

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Phan D, sinh năm 1998; địa chỉ: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Biền Anh T, sinh năm 1996; địa chỉ: khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2021, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị Phan D (chị D) trình bày: Chị D và anh Biền Anh T (anh T) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Do chị D có thai ngoài ý muốn nên chị và anh T không tổ chức đám cưới mà chỉ ra mắt hai bên gia đình, bắt đầu sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Phú, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên vào ngày 31/12/2018. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh T sống chung tại

nhà cha mẹ anh T ở khu phố D, phường X, thị xã S. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn với lý do vụn vặt, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị và anh T không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, anh T không chăm lo làm ăn lo cho vợ con mà cứ lo la cà cà phê, quán xá; ba mẹ chồng cũng khắt khe với chị. Thời gian dài dẫn đến chị và anh T không còn tình cảm, không còn yêu thương lẫn nhau, không quan tâm chia sẻ với nhau. Không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên chị D đưa con về nhà cha mẹ chị sống từ tháng 10/2019 cho đến nay nhưng được 01 tháng sau chị đem con giao lại cho anh T vì bản thân chị không đủ khả năng kinh tế để nuôi con. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, mạnh ai nấy lo cuộc sống của mình, không có sự quan tâm chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Biên Anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Biên Anh T2 – sinh ngày 14/11/2018 (giới tính Nam) hiện đang ở với anh T và gia đình anh T. Ly hôn chị có nguyện vọng giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Biên Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị D giữ nguyên yêu cầu về ly hôn, con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; đồng thời tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.490.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn anh T; giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh T có hộ

khẩu thường trú tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D, anh T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân Phú ngày 03/7/2018 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị D xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc xuất phát từ nguyên nhân chị D và anh T tính cách không hợp, anh T không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 10/2019 đến nay chị D và anh T đã sống ly thân; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, hỏi han nhau. Lời trình bày của chị D phù hợp với thông tin do cha anh T cung cấp cho Tòa án. Do đó thấy rằng mâu thuẫn của chị D, anh T không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn anh T.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Biền Anh T2– sinh ngày 14/11/2018. Từ khi chị D và anh T sống ly thân, con chung do anh T nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu của chị D giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.490.000 đồng là có cơ sở và phù hợp hoàn cảnh thực tế nên được chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 8/2022 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị Phan D được ly hôn anh Biền Anh T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Biền Anh T2– sinh ngày 14/11/2018. Giao anh Biền Anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Biền

Anh Tốt. Chị Phạm Thị Phan D cấp dưỡng nuôi con chung 1.490.000đ/tháng (*Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 8/2022 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Phạm Thị Phan D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Phan D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003308 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Chị D còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND phường Xuân Phú (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên